

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **23/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: **21/6/2018.**

*“V/ly hôn và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Thời** và bà **Phạm Thị Lan**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Hoàng Phương** -  
Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà: Ông  
**Nguyễn Văn Nhiệm**- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 57/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mai P**, sinh năm 1991.

Đăng ký hộ khẩu tại: Số 25/336 Nguyễn HC, phường NC, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã Tân H, huyện NG, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thái D**, sinh năm 1984.

Đăng ký hộ khẩu tại: Số 25/336 Nguyễn HC, phường NC, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Đội 2 Lốp x-Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương (Phường Cộng H, thị xã CL, tỉnh Hải Dương).

Chị P có mặt; anh D xin vắng mặt tại phiên tòa;

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mai P trình bày: Chị và anh Nguyễn Thái D có được tự do tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/9/2014 tại UBND phường TP, thành phố H. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống hàng ngày anh D chơi bời, quan hệ không lành mạnh, nghiện ma túy, anh D mang tài sản như xe đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cho bản thân và lấy tiền sử dụng ma túy. Chị và bố mẹ*

hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh D không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Do đó, năm 2017 chị đã gửi đơn xin ly hôn anh D lần thứ nhất. Tuy nhiên, anh D hứa sẽ sửa chữa sai phạm, xin được đoàn tụ vợ chồng với chị nên chị tạo cơ hội cho anh D đã rút đơn ly hôn. Nhưng sau khi chị rút đơn ly hôn quay trở lại cuộc sống vợ chồng với anh D thì mâu thuẫn xảy ra còn tồi tệ và trầm trọng hơn nhiều; anh D thường xuyên có hành động không chể, đe dọa đánh đập chị, chị luôn sợ hãi khi phải sống bên anh D nên đã phải đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 6 xã Tân H, huyện NG, tỉnh Hải Dương ở từ giữa năm 2017 cho đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó; có lần anh D đã về tận nhà bố mẹ đẻ chị dùng gạch ném vào trong nhà, chửi bới âm ỉ gây mất trật tự tại khu dân cư thôn 6, xã Tân H, khiến bố mẹ chị xấu hổ với hàng xóm, họ hàng vì có người con rể như anh D. Hành động của anh D làm chị thất vọng và không còn con đường nào khác là phải ly hôn với anh D để an toàn cho tính mạng của mẹ con chị, chị đề nghị Tòa án thành phố H giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Vụ án Tòa án đang giải quyết thì anh D bị gia đình đưa đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương từ ngày 30/3/2018 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh D và không thể hàn gắn được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

*Tại bản tự khai và biên bản lời khai, biên bản hòa giải bị đơn là anh Nguyễn Thái D trình bày:* Anh với chị P lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/9/2014 tại UBND phường TP, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị P đua đòi, đi bay lác với các bạn bè, anh bắt quả tang chị P và đã khuyên giải để chị quan tâm đến gia đình, nhưng chị P không nghe lời anh. Từ đó, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, chị P đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ khoảng giữa năm 2017 cho đến nay. Nay chị P xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh, xin ly hôn anh; anh cũng xác định vợ chồng đã sống ly thân, không có trách nhiệm gì với nhau như chị P trình bày là đúng nhưng anh thương con còn nhỏ muốn sống vì con nên anh không đồng ý ly hôn với chị P. Nếu chị P cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật. Anh không có ý kiến gì, không phản đối hay phản tố gì với yêu cầu khởi kiện của chị P. Ngoài ra, anh xác định đã được nhận toàn bộ giấy tờ, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị P và các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt, do anh đang tập trung cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương nên anh không thể có mặt tại Trụ sở Tòa án được, anh đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử cho anh được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm Hôn nhân và gia đình.

*Về con chung:* Vợ chồng đều xác định có 01 con chung là Nguyễn Phạm Nhật M, sinh ngày 30/5/2015, con chung đang do chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục

nuôi dưỡng con, tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con và cho rằng anh D đang phải cai nghiện ma túy nên không thể nuôi dưỡng con được. Nếu sau này anh D trở về tu chí lao động có thu nhập ổn định, có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chị hoàn toàn đồng ý. Anh D đồng ý với với quan điểm chị P.

*Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình:* Vợ chồng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Vợ chồng đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác minh tại UBND phường NC và khu dân cư nơi chị P, anh D sinh sống; Đại diện chính quyền địa phương và khu dân cư thể hiện: Chị P và anh D là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường TP, là công dân của khu dân cư chung sống cùng gia đình anh D; trong cuộc sống hàng ngày anh chị có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do anh D nghiện ma túy, không làm chủ được bản thân đã gây mất trật tự trong khu dân cư thường xuyên. Bà M1 là mẹ đẻ anh D đã trình báo khu dân cư và Công an phường NC can thiệp nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không chung sống được với nhau. Khoảng giữa năm 2017 chị P đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại NG ở từ đó cho đến nay, anh D ở cùng mẹ đẻ tại địa chỉ cư trú trên, mỗi người một nơi, không thấy chị P qua lại nhà anh D. Đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án căn cứ các qui định của pháp luật giải quyết vụ án dứt điểm để không ảnh hưởng đến trật tự trị an tại khu dân cư, đồng thời giải thoát cho mẹ con chị P sớm ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn nuôi dưỡng con nhỏ.

Tại phiên toà chị P vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết cho chị được ly hôn với anh D, tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con, ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Nguyễn Thị Mai P được ly hôn anh Nguyễn Thái D; *Về con chung:* Giao con là Nguyễn Phạm Nhật M, sinh ngày 30/5/2015 cho chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 6/2018 đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên

gia đình: Không phải giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án anh D chấp hành pháp luật có mặt tại Trụ sở Tòa án theo giấy triệu tập. Tuy nhiên, ngày 30/3/2018 do gia đình đưa đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự cho anh tại Cơ sở cai nghiện, anh xác định đã được nhận đầy đủ. Nhưng anh không thể có mặt tại Trụ sở Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm được, anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án cho anh được vắng mặt tại phiên tòa. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng, đã tiến hành giải quyết vụ án đảm bảo tính hợp lệ việc tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với nguyên, bị đơn nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cũng như tạo điều kiện để các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn:* Chị Nguyễn Thị Mai P và anh Nguyễn Thái D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường TP, thành phố H vào ngày 26/9/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau. Mặt khác, trong cuộc sống hàng ngày anh D chơi bời, nghiện ma túy, không làm chủ được bản thân đã gây mất trật tự trong khu dân cư; mang tài sản của gia đình đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cho bản thân và sử dụng ma túy. Chị P và bố mẹ hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh D không tự sửa chữa khuyết điểm. Năm 2017 chị P đã gửi đơn xin ly hôn anh D nhưng anh hứa sẽ sửa chữa sai phạm để được đoàn tụ vợ chồng với chị P nên chị đã rút đơn ly hôn. Nhưng sau khi chị rút đơn ly hôn quay trở lại cuộc sống vợ chồng với anh D thì mâu thuẫn lập lại và trầm trọng hơn, anh có những lời nói và hành động đe dọa chị nên chị quyết định ly thân với anh D và đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 6 xã Tân H, huyện NG, tỉnh Hải Dương ở từ giữa năm 2017 để đảm bảo cho tính mạng của mẹ con chị. Tuy nhiên, anh D không để mẹ con chị P được yên mà anh còn về tận nhà bố mẹ chị P gây mất trật tự tại khu dân cư thôn 6, xã Tân H. Hành động đó đã làm ảnh hưởng đến danh dự và làm cho bố mẹ chị P xấu hổ với hàng xóm, họ hàng. Nay chị P xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D

đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Anh cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn tình cảm vợ chồng với nhau nhưng chị P xin ly hôn anh, anh không đồng ý muốn sống cùng chị P là vì con. Xét việc anh D đưa ra lý do nêu trên là không chính đáng, bản thân anh không tự sửa chữa khuyết điểm, không có biện pháp khắc phục tình cảm để đoàn tụ vợ chồng với chị P. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, anh chị không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị P được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị P, anh D xác định có 01 con chung là Nguyễn Phạm Nhật M, sinh ngày 30/5/2015. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng. Xét điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện nay con còn nhỏ, cần có sự chăm sóc dạy dỗ, gần gũi của người mẹ, chị đang ở cùng với bố mẹ đẻ có chỗ ở rộng rãi. Ngoài ra bố mẹ chị hỗ trợ hỗ trợ chăm sóc, đưa đón con đi học hàng ngày giúp chị. Mặt khác, anh D đang tập trung cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương (địa chỉ tại phường Cộng H, thị xã CL) nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng con được. Nên, xét việc giao con chung cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho con và phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với việc chị P tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. HĐXX thấy rằng hiện nay chị P có việc làm, thu nhập ổn định trung bình mỗi tháng 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), có khả năng đảm bảo cuộc sống cho con nên sự tự nguyện của chị P phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên*: Chị P và anh D đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị P phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Nguyễn Thị Mai P được ly hôn anh Nguyễn Thái D.

2. *Về con chung:* Xử giao con là Nguyễn Phạm Nhật M, sinh ngày 30/5/2015 cho chị Nguyễn Thị Mai P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 6/2018 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

***Anh Nguyễn Thái D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.***

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Mai P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0002673 ngày 26 tháng 01 năm 2018 do chị P nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hải Dương. Chị P đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mai P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn là anh Nguyễn Thái D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- VKSND Thành phố H;
- Chi cục THA dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường TP, TPHD;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Tố Uyên**